

Bản án số: 61/2017/HN-ST

Ngày: 21-8-2017

V/v “Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Trường
2. Ông Trần Văn Chu

- Thư ký phiên tòa: Bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri – Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2017/TLST-HN ngày 26/6/2017 về việc “Hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2017/QĐST - HN ngày 31 tháng 7 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2017/QĐST - HN ngày 11 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1984; địa chỉ ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre (có mặt).
2. *Bị đơn:* Chị Võ Thị Hồng V, sinh năm 1981; địa chỉ ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2017 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Thành N trình bày:

Anh và chị V tự nguyện kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 07/11/2011. Sau khi kết hôn, hai bên chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm nên ly thân từ tháng 01/2013 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh có thiện chí hàn gắn và yêu cầu chị V trở về chung sống nhưng chị V không đồng ý. Nay nhận thấy tình cảm hai bên không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau nên anh yêu cầu ly hôn với chị V. Con chung không có. Tài sản chung, nợ chung không có.

Tại phiên tòa:

- Anh Nguyễn Thành N giữ nguyên trình bày, yêu cầu ly hôn với chị V. Con

chung, tài sản chung, nợ chung không có.

- Chị Võ Thị Hồng V vắng mặt không lý do.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa thể hiện việc từ chối thực hiện các quyền, nghĩa vụ được pháp luật quy định, thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không đặt vấn đề xem xét.

Từ các lời trình bày trên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục: Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng tại phiên tòa chị Võ Thị Hồng V vẫn vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Do anh N và chị V tự nguyện kết hôn từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre vào ngày 07/11/2011 (theo giấy chứng nhận kết hôn số 86/2011, quyển 01/2011) nên quan hệ hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, do hai bên bất đồng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và ly thân từ tháng 01/2013 đến nay. Trong thời gian ly thân, do hai bên không có thiện chí hòa giải, khắc phục những bất đồng nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không còn khả năng hàn gắn. Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, anh N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét yêu cầu trên là phù hợp với Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung: không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp số tiền 300.000 đồng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Thành N đối với chị Võ Thị Hồng V.

2. Con chung: Không có.

3. Tài sản chung: Không có.

4. Nợ chung: Không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Thành N phải nộp số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007317 ngày 21/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Do đó, án phí sơ thẩm, anh N đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Duyên